

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/5/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Trâm Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Danh Hoàng Duyên
2. Ông Nguyễn Văn Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXX - ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **D Vo**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 1060 BURROWS AVENUE WINNTREC MB R2X OSJ CANADA.

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Vũ L (Huỳnh Vũ L)**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số 300 khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

(Ông D Vo và bà Huỳnh Vũ L có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2010, nguyên đơn ông D Vo trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L quen biết và đăng ký kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2010. Sau khi kết hôn được vài tháng thì ông D Vo trở về Canada. Thời gian đầu ông và bà L còn liên lạc, nhưng sau đó ông và bà L xảy ra bất đồng quan điểm sống, phong tục tập quán không phù hợp, việc xa cách về địa lý dẫn đến tình cảm phai nhạt và không thể hàn gắn được. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông xin được ly hôn, chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà Huỳnh Vũ L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hai bên không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Huỳnh Vũ L trình bày tại bản tự khai ngày 22/02/2019: Bà và ông D Vo quen biết và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2010, vào sổ đăng ký kết hôn số 196, quyển số 02/2010. Về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như ông D Vo đã trình bày. Nay bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D Vo. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông D Vo và bị đơn bà Huỳnh Vũ L có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xử vắng mặt ông D Vo và bà Huỳnh Vũ L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông D Vo và bà Huỳnh Vũ L đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2010, vào sổ đăng ký kết hôn số 196, quyển số 02/2010. Do các bên đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông D Vo và bà Huỳnh Vũ L đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, cả hai đều thừa nhận sau khi đăng ký kết hôn không sống chung, chỉ liên lạc với nhau vài lần qua điện thoại, không có tình cảm vợ chồng, nơi cư trú cách xa không thể hàn gắn, hai người đã sống ly thân với nhau trong thời gian dài từ năm 2010 đến nay. Xét thấy hôn nhân của ông D Vo và bà Huỳnh Vũ L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông D Vo đã có đơn xin ly hôn nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông D Vo được ly hôn với bà Huỳnh Vũ L.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông D Vo và bà L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Ông D Vo phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007071 ngày 08/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 227, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D Vo.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông D Vo được ly hôn với bà Huỳnh Vũ L (Huỳnh Vũ L).

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông D Vo và bà Huỳnh Vũ L xác định không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông D Vo phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007071 ngày 08/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Vũ L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, Ông D Vo có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6 điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Trâm Anh